

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-BNN-TCLN

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Dự án thành phần “Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển
giống cây trồng rừng ven biển và đất phèn vùng đồng bằng sông Cửu
Long” thuộc dự án “Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển
giống cây lâm nghiệp”**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT gồm: Quyết định số 3079/QĐ-BNN ngày 15/7/2021 về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển giống cây lâm nghiệp”; Quyết định số 3194/QĐ-BNN-KH ngày 23/8/2022 về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển giống cây lâm nghiệp” và Quyết định số 240/QĐ-BNN-TCLN ngày 12/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án thành phần “Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống cây trồng rừng ven biển và đất phèn vùng đồng bằng sông Cửu Long” thuộc dự án “Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển giống cây lâm nghiệp”;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Bộ tại Tờ trình số 75/TTr-VNB ngày 04/4/2023 trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án thành phần “Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống cây trồng rừng ven biển và đất phèn vùng đồng bằng sông Cửu Long”;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp tại Báo cáo kết quả thẩm định số 539/ BC-TCLN-PTR ngày 12/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (LCNT) dự án thành phần (DATP) “Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống cây trồng rừng ven biển và đất phèn vùng đồng bằng sông Cửu Long” với nội dung như sau:

- Số lượng: 13 gói thầu.

- Tổng giá trị các gói thầu: 9.347.632.000 đồng (*Bằng chữ: Chín tỷ ba trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn đồng*)

- Tên gói thầu, giá gói thầu (xác định theo tổng mức đầu tư dự án), nguồn vốn, hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu, loại hợp đồng và thời gian thực hiện hợp đồng áp dụng cho các gói thầu theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Bộ có trách nhiệm:

- Lập, thẩm tra, thẩm định và phê duyệt dự toán gói thầu (phần thiết bị căn cứ chứng thư thẩm định giá) tại thời điểm đấu thầu theo quy định tại Điều 18, Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ làm cơ sở xét thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

- Đối với phần thiết bị phải rà soát, đảm bảo: (i) Tuân thủ danh mục, đặc tính thông số thiết bị được Bộ phê duyệt; (ii) Kết quả thẩm định giá chỉ được sử dụng trong thời gian có hiệu lực được ghi trong báo cáo kết quả thẩm định giá và chứng thư thẩm định giá theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật giá ngày 20/6/2012; (iii) Doanh nghiệp thẩm định giá có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá còn hiệu lực; có kết nối cơ sở dữ liệu thẩm định giá của Doanh nghiệp này với cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; (iv) Người thẩm định và ký chứng thư thẩm định giá phải có Thẻ thẩm định về giá còn hiệu lực và nằm trong danh sách “thẩm định viên về giá đủ điều kiện hành nghề” do Bộ Tài chính công bố rộng rãi.

- Gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tài liệu gồm: Quyết định phê duyệt dự toán gói thầu, HSMT, HSYC, kết quả LCNT và hợp đồng để tổng hợp, theo dõi.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục lâm nghiệp, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Khoa học Công nghệ và Môi trường, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Giám đốc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, Viện trưởng Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Bộ và các Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- Kho bạc NN (TU và ĐP);
- Lưu: VT, TCLN(10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục.

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự án thành phần: Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống cây trồng rừng ven biển và đất phèn vùng đồng bằng sông Cửu Long

(Phụ lục kèm theo Quyết định số QĐ-BNN-TCLN ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

I. Phần công việc đã thực hiện

TT	Tên gói thầu	Giá hợp đồng (đồng)	Đơn vị thực hiện	Văn bản phê duyệt
1	Lập nhiệm vụ dự toán chuẩn bị dự án	3.517	Công ty Cổ phần Xây dựng và Công nghiệp nặng DELTA	QĐ số 269/QĐ-KHLN ngày 16/8/2021
2	Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất; Lập Báo cáo NCKT	129.065	Công ty CP Tư vấn Đầu tư xây dựng và Phát triển nông thôn	QĐ số 436/QĐ-KHLN ngày 10/12/2021
3	Giám sát khảo sát xây dựng	3.524	Công ty CP Khảo sát và Xây dựng Hà Nội	QĐ số 437/QĐ-KHLN ngày 10/12/2021
4	Thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	7.521	Công ty TNHH tư vấn Đại học Xây dựng	Quyết định số 236/QĐ-KHLN ngày 23/6/2022
5	Lập HSMT, báo cáo đánh giá HSDT gói thầu dịch vụ tư vấn	128	Công ty CP Tư vấn thiết kế dự án quốc tế	QĐ số 356/QĐ-KHLN ngày 26/10/2021
6	Quản lý dự án bước chuẩn bị dự án	4.313	Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam	
	Tổng cộng	148.068		

II. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu

TT	Nội dung công việc	Giá trị thực hiện (đồng)	Đơn vị thực hiện
1	Quản lý dự án phần xây dựng cơ bản lâm sinh	73.194	Chủ đầu tư
2	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	19.500	Bộ Nông nghiệp và PTNT
3	Thẩm định báo cáo NCKT	1.900	Bộ Nông nghiệp và PTNT
4	Thẩm định thiết kế BVTC, dự toán xây dựng	3.210	Bộ Nông nghiệp và PTNT
5	Kiểm tra công tác nghiệm thu	25.698	Chủ đầu tư
6	Dự phòng	380.798	Chủ đầu tư
	Tổng cộng	504.300	

III. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (ngàn đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	GT01: Lập HSMT, báo cáo đánh giá HSDT gói thầu xây dựng và thiết bị	20.665	Ngân sách NN	Chỉ định thầu		Quý II/2023	Trọn gói	90 ngày
2	GT02: Thẩm định HSMT, kết quả LCNT	5.946	Ngân sách NN	Chỉ định thầu		Quý II/2023	Trọn gói	90 ngày
3	GT03: Quản lý dự án phần xây dựng cơ sở hạ tầng	189.706	Ngân sách NN	Chỉ định thầu		Quý II/2023	Trọn gói	900 ngày
4	GT04: Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng	154.800	Ngân sách NN	Chỉ định thầu		Quý II/2023	Trọn gói	30 ngày
5	GT05: Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng	18.398	Ngân sách NN	Chỉ định thầu		Quý II/2023	Trọn gói	15 ngày
6	GT06: Thẩm định giá thiết bị	5.502	Ngân sách NN	Chỉ định thầu		Quý II/2024	Trọn gói	15 ngày
7	GT07: Xây dựng cơ sở hạ tầng	5.440.255	Ngân sách NN	Đấu thầu rộng rãi trong nước	01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ	Quý III/2023	Trọn gói	240 ngày
	<i>Xây dựng</i>	<i>4.945.686</i>						
	<i>Dự phòng</i>	<i>494.569</i>						

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (ngàn đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
8	GT08: Giám sát thi công xây dựng phần xây dựng cơ sở hạ tầng và lắp đặt thiết bị	135.671	Ngân sách NN	Chỉ định thầu		Quý III/2023	Trọn gói	240 ngày
9	GT09: Giám sát thi công xây dựng phần xây dựng lâm sinh	58.277	Ngân sách NN	Tự thực hiện		Quý I/2024	Trọn gói	660 ngày
10	GT10: Bảo hiểm công trình	3.957	Ngân sách NN	Chỉ định thầu		Quý II/2024	Trọn gói	240 ngày
11	GT11: Thiết lập vườn giống Tràm và vườn giống Đưng	2.243.165	Ngân sách NN	Tự thực hiện		Quý I/2024	Trọn gói	660 ngày
12	GT12: Thiết bị nghiên cứu sản xuất giống	1.000.340	Ngân sách NN	Đấu thầu rộng rãi trong nước	01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ	Quý II/2024	Trọn gói	120 ngày
13	GT13: Kiểm toán	70.950	Ngân sách NN	Chỉ định thầu		Quý IV/2025	Trọn gói	30 ngày
	Tổng cộng	9.347.632						

Ghi chú: Các gói thầu đấu thầu rộng rãi trong nước áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi qua mạng./.